TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2023/DS-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Ánh

Bà Trần Thị Phận

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Kim Hồ là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không tham gia phiên tòa***

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ : Tổ 12, khóm 1, phường Thành Phước, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

2.Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Bà Lê Thị H, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Vào ngày 19/10/2022 chị có cho chị Nguyễn Thị Anh T mượn số tiền là 69.000.000đ (sáu mươi chín triệu đồng), chị T mượn tiền để trang trải lo cho con nhỏ là Nguyễn Khả N1 bị bệnh nằm viện tại bệnh viện H1, thành phố Cần Thơ. Chị T có hứa sẽ trả dần cho chị mỗi tháng là 10.000.000đ. Khi cho vay tiền, bà ngoại chị T là bà Lê Thị H trực tiếp bão lãnh nếu chị T không trả thì bà H sẽ trực tiếp trả, bắt đầu trả từ tháng 11/2022 đến nay nhưng chị T vẫn chưa thực hiện đúng như lời đã hứa. Chị có đến nhà tìm chị T để nhận lại số tiền trên nhưng chị T cứ hẹn lần, hẹn lượt không chịu trả. Nay chị T trốn tránh nghĩa vụ còn bà ngoại chị T thách thức chị đi thưa. Hiện tại chị cũng đang gặp khó khăn cần lấy lại toàn bộ số tiền trên để trang trải.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết cho chị cụ thể như sau:

Buộc chị Nguyễn Thị Anh T và bà Lê Thị H trả lại cho chị số tiền: 69.000.000đ (Sáu mươi chín triệu đồng) vả tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày 19/10/2022 đến 19/4/2023 là 06 tháng, theo lãi suất ngân hàng là 1,5%/30 ngày=6.210.000đ.

Như vậy buộc chị Nguyễn Thị Anh T và bà Lê Thị H trả lại cho chị số tiền: 69.000.000đ và tiền lãi suất là 6.210.000đ, tổng cộng 75.210.000đ

Bà Lê Thị H trình bày: việc vay mượn tiền này là giữa cháu bà là Nguyễn Thị Anh T có con bị bệnh nên có mượn tiền của N để lo cho con. Bà hoàn toàn không biết gì đến số tiền này. Sau khi cháu bà mượn tiền của N xong thì có đem tờ biên nhận về cho bà ký với tư cách là người bảo lãnh. Tuy bà không sử dụng số tiền mà T mượn, tuy nhiên bà có ký vào biên nhận nên bà cũng có trách nhiệm, bà và T sẽ sắp xếp trả cho N từ từ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Anh Thư từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị Anh T hoàn toàn không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp và pháp luật áp dụng giải quyết vụ án là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2]Về thủ tục tố tụng:

Từ khi giải quyết đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử chị Nguyễn Thị Anh T vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Hội đồng xét xử xem xét quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Anh T

[[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét giấy mượn tiền ngày 19/10/2022 được chị Nguyễn Thị Anh T viết và ký tên, nội dung giấy mượn tiền thể hiện chị Nguyễn Thị Anh T có vay chị Nguyễn Thị Kim N số tiền 69.000.000đ *(sáu mươi chín triệu đồng),* cam kết mỗi tháng sẽ trả 10.000.000đ, bà Lê Thị H có ký tên bảo lãnh.

[3.2] Tòa án nhân huyện Bình Tân đã thông báo hợp lệ về việc công khai chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 19/10/2022 được chị Nguyễn Thị Anh T viết và ký

tên, bà Lê Thị H là bà ngoại của chị Nguyễn Thị Anh Thư ký tên bảo lãnh do nguyên đơn xuất trình, đến tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân huyện Bình Tân cũng chưa nhận được chứng cứ nào thể hiện bị đơn phản đối chứng cứ do nguyên đơn đưa ra nên được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, được quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có sở nên được chấp nhận.

Cần buộc chị Nguyễn Thị Anh T và bà Lê Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền vay là 69.000.000 đồng *(Sáu mươi chín triệu đồng)*

[3.3] Về phần lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn phải chịu lãi suất là 1,5% tương ứng trên số tiền gốc đã nợ cụ thể như sau:

Lãi suất tính trên số tiền gốc là 69.000.000 đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính từ tháng 19/10/2022 đến tháng 19/4/2023 là 06 tháng x 1,5% x 69.000.000đ = 6.210.000đ

Vậy số tiền gốc và lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 69.000.000 đồng + 6.210.000 đồng = 75.210.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N được chấp nhận, nên chị Nguyễn Thị Anh T và bà Lê Thị H phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là 3.760.000 đồng. Bà Lê Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp phần án phí của bà là 1.880.000đ, chị T phải chịu phần án phí còn lại là 1.880.000đ

Chị Nguyễn Thị Kim N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 147, 158, 165, điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 3 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N

Buộc chị Nguyễn Thị Anh T và bà Lê Thị H liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền 75.210.000đ*(Bảy mươi lăm triệu hai trăm mười nghìn đồng)* (vốn gốc là 69.000.000đ, lãi suất là 6.120.000đ)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Anh T nộp 1.880.000đ án phí dân sự sơ thẩm

Bà Lê Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền 1.750.875đ theo biên lai thu số 0013970 ngày 16/12/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình Tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ánh Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
	(Đã ký)
Trần Thị Phận Trương Văn Ánh	**Nguyễn Ánh Dương**

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

5

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình Tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Caùc ñöông sö;ï
- Löu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trần Thị Phận Trương Văn Ánh

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Dương

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình Tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Caùc ñöông sö;ï
- Löu.

Nguyễn Ánh Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Thư Trương Văn Ánh **Nguyễn Ánh Dương**